TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 966/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07-4-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Trần Đăng Vạn
2/ Bà Đặng Thị Thu Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Quốc Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023 tại phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ: đường Lò Lu, phường Trường Thạnh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 2497/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định hoãn phiên tòa số 806/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 807/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần H, sinh năm 1991.
Địa chỉ: số xyz Tăng Nhơn Phú, tổ 6, khu phố 4, phường Phước Long B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm 1987.
Địa chỉ: số xyz Tăng Nhơn Phú, tổ 6, khu phố 4, phường Phước Long B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 15/9/2022, nguyên đơn bà Trần H trình bày: Bà và ông Nguyễn T chung sống với nhau vào năm 2009 đến năm 2016 mới

làm thủ tục đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20 do Ủy ban nhân dân xã Trần Phán, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau cấp ngày 19/02/2016. Trong thời gian chung sống, giữa bà và ông T xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi nhau, đánh nhau, không tìm được tiếng nói chung. Ông T thường xuyên có những lời nói xúc phạm bà và gia đình cũng như nhiều lần đánh bà trước mặt con cái. Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên Nguyễn N, sinh ngày 15/6/2009 và Nguyễn N1, sinh ngày 06/3/2016. Hiện cả hai đang sống với vợ chồng bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông T không có tài sản chung và nợ chung.

Tại Bản tự khai ngày 23/11/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần H trình bày: Bà và ông Nguyễn T chung sống với nhau vào năm 2009 đến năm 2016 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20 do Ủy ban nhân dân xã Trần Phán, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau cấp ngày 19/02/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Cà Mau, từ năm 2011 cho đến nay thì gia đình chuyển lên Thành phố Hồ Chí Minh sống tại số xyz đường Tăng Nhơn Phú, tổ 6, khu phố 4, phường Phước Long B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Hôn nhân không có hạnh phúc từ những năm đầu chung sống nhưng vì con bà đã cam chịu sống được 10 năm, đến năm 2020 mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngày càng gay gắt. Ông T hay cờ bạc cá độ gây nợ, những lúc vợ chồng cãi nhau ông T thường đánh bà trước sự chứng kiến của các con và dùng những lời lẽ xúc phạm không tôn trọng bà. Bà và ông T cũng hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên mặc dù sống cùng nhà nhưng bà và ông T đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, cả bà và ông T đều không quan tâm gì đến nhau. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng và không thể tiếp tục chung sống với ông T được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng con chung trẻ Nguyễn N1 và giao trẻ Nguyễn N cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, đôi bên không cấp dưỡng nuôi con qua lại.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông T không có tài sản chung và nợ chung.

Ngày 10/3/2023, bà H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà, bà giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện nêu trên.

Tại bản tự khai ngày 11/11/2022, bị đơn ông Nguyễn T trình bày: Ông và bà H tự nguyện kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trần Phán, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào năm 2016. Sau khi kết hôn

vợ chồng chung sống tại Cà Mau. Hiện nay hai vợ chồng chung sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống vợ chồng có hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do xích mích giữa bà H với chị em của ông và ông cũng có tật xấu là chơi bời đỏ đen, đôi lúc cũng có tác động nhẹ với bà H. Bà H yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý.

Trong trường hợp bà H không tha lỗi cho ông, không đồng ý hàn gắn tình cảm vợ chồng thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung tên Nguyễn N, sinh ngày 15/6/2009 và Nguyễn N1, sinh ngày 06/3/2016. Hiện cả hai đang sống với vợ chồng ông. Khi ly hôn, ông có nguyện vọng, hai vợ chồng mỗi người nuôi một đứa con, không cần cấp dưỡng.

Trường hợp Tòa phán quyết cho ông được nuôi cả 2 con thì ông đồng ý và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp bà H muốn trực tiếp nuôi dưỡng 02 con thì ông đồng ý nhưng ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà H không có tài sản chung và nợ chung.

Ông T đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ 2 nhưng ông T vẫn vắng mặt.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của pháp luật. Việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xác định đúng người tham gia tố tụng và xét xử vắng mặt bị đơn đúng quy định của pháp luật. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận bà Trần H được ly hôn với ông Nguyễn T; Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn N1 cho bà Trần H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung tên Nguyễn N cho ông Nguyễn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không cấp dưỡng nuôi con qua lại; Về tài sản chung, nợ chung: Bà H, ông T tự khai không có; Án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến tranh luận của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà H xin ly hôn với bị đơn ông T; ông T hiện đang cư trú tại nhà số xyz Tăng Nhơn Phú, tổ 6, khu phố 4, phường Phước Long B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Do đó, căn cứ Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về việc tham gia tố tụng của các đương sự: Nguyên đơn bà H vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt ghi ngày 10/3/2023; Bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông T.

Đương sự không yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng khác, người làm chứng nên Hội đồng xét xử không triệu tập người tham gia tố tụng khác, người làm chứng.

[3] Về chứng cứ của vụ án: Tòa án đã đảm bảo việc công khai các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại các Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đương sự không bổ sung tài liệu chứng cứ khác và tại phiên tòa đương sự cũng không bổ sung thêm chứng cứ nào khác.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 20 do Ủy ban nhân dân xã Trần Phán, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau cấp ngày 19/02/2016 thì quan hệ hôn nhân giữa bà H, ông T là hợp pháp.

Theo lời khai thừa nhận của bà H, ông T cho thấy trong quá trình chung sống vợ chồng giữa bà H, ông T có phát sinh mâu thuẫn, mức độ mâu thuẫn các bên không dung hòa được mà càng kéo dài càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Ông T không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra được các giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời ông T có ý kiến: trong trường hợp bà H không đồng ý hàn gắn tình cảm vợ chồng thì ông đồng ý ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng ông T không đến Tòa án để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa; Điều này thể hiện, ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, chưa thực sự coi trọng tình nghĩa vợ chồng. Do đó việc bà H yêu cầu được ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ lời khai của đương sự phù hợp với nội dung Giấy khai sinh số 166/2012 Quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã Trần Phán, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau cấp ngày 08/5/2012 và Giấy khai sinh số 158/2016 do do Ủy ban nhân dân xã Trần Phán, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau cấp ngày 01/4/2016, có cơ sở xác định bà H, ông T có 02 người con chung là Nguyễn N, sinh ngày 15/6/2009 và Nguyễn N1, sinh ngày 06/3/2016.

Bà H, ông T đều thống nhất ý kiến về con chung: Khi ly hôn mỗi người sẽ nuôi một người con chung và hai bên không cấp dưỡng qua lại. Ý kiến thống nhất này của bà H, ông T là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của trẻ N, trẻ N1 tại các tờ trình bày nguyện vọng ghi ngày 23/11/2022, và ngày 21/02/2023. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H: Giao con chung tên Nguyễn N1 cho bà Trần H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung tên Nguyễn N cho ông Nguyễn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không cấp dưỡng nuôi con qua lại.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H, ông T xác định không có.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điểm 1.1 Mục II Phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điểm 1.1 Mục II Phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Trần H ly hôn ông Nguyễn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 20 do Ủy ban nhân dân xã Trần Phán, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau cấp ngày 19/02/2016 cho bà Trần H và ông Nguyễn T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn N, sinh ngày 15/6/2009

và Nguyễn N1, sinh ngày 06/3/2016. Giao con chung tên Nguyễn N1 cho bà Trần H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung tên Nguyễn N cho ông Nguyễn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không cấp dưỡng nuôi con qua lại.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H, ông T xác định không có.

4. Về án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn: Bà Trần H phải chịu án phí sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà H đã nộp theo Biên lai thu số AA/2022/0006213 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP Thủ Đức;
- UBND xã Trần Phán, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Quyên